

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ.

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 76/2022/TLST – HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2022, giữa:

- *Nguyên đơn:* **Chị Phạm Thị Thu Th**, sinh năm 1998;
- *Bị đơn:* **Anh Nguyễn Văn X**, sinh năm 1994.

Đều ở địa chỉ: khu Còn 1, xã Thu Ngạc, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Bích Th – Trợ giúp viên thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Phú Thọ.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều: 55, 57, 58, 81, 82, 83, 110 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 28 tháng 10 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 28 tháng 10 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

- 1. Công nhận sự thuận tình ly hôn:** Giữa chị Phạm Thị Thu Th và anh Nguyễn Văn X.
- 2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:**
 - a. *Về nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con:* Chị Th và anh X có 01 (một) con chung là cháu Nguyễn Bảo Ng, sinh ngày 29/7/2019. Khi ly hôn, anh X được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Ng đến khi thành niên. Chị Th có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Ng cùng anh X số tiền 1.000.000 đồng

(một triệu đồng)/ 1 tháng, kể từ tháng 11/2022 đến khi thành niên. Hai bên đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung, không ai được cản trở.

- b. *Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng*: Chị Th và anh X không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- c. *Về án phí*: Chị Th phải nộp 75.000 đồng (bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng. Xác nhận chị Th đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2020/0007459 ngày 10 tháng 10 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T. Hoàn trả lại cho chị Th 75.000 đồng (bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp. Miễn nộp toàn bộ tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm cho anh Nguyễn Văn X theo điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.
3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo kháng, nghị theo thủ tục phúc thẩm.
4. Trong trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì Người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thi hành theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện, tỉnh;
- THADS huyện;
- UBND xã Th;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Mai

